



Lồng ghép kinh tế tuần hoàn trong xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam

TS. LẠI VĂN MẠNH

Viện Chiến lược, Chính sách nông nghiệp và môi trường

Nông thôn là một phần quan trọng của nền kinh tế, ở Việt Nam hơn 60% dân số sống và làm việc tại vùng nông thôn. Xây dựng nông thôn hiện đại, phồn vinh, hạnh phúc, dân chủ, văn minh; có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ; môi trường xanh, sạch, đẹp; đời sống văn hóa lành mạnh, phong phú, đậm đà bản sắc dân tộc; an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm là một trong những quan điểm, mục tiêu sớm được đề ra và hết sức quan tâm thực hiện trong các chủ trương, chính sách của Việt Nam. Ở Việt Nam, phát triển nông nghiệp, nông thôn và nông dân là sự nghiệp quan trọng, sớm nhận được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước nhưng cũng chứa đựng nhiều khó khăn, thách thức trên nhiều mặt. Xây dựng, phát triển nông thôn mới (NTM) là một trong những chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước đã và đang nhận được sự hưởng ứng mạnh mẽ của các cấp, các ngành và người dân. Nhiều thành tựu cả về hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật, đạt được nhiều mục tiêu về kinh tế, xã hội và môi trường đã đạt được thông qua triển khai chủ trương này thời gian qua. Tuy nhiên, trong bối cảnh thúc đẩy tăng trưởng, việc tìm kiếm các mô hình, cách tiếp cận mới để góp phần đưa chủ trương xây dựng NTM của Việt Nam đáp ứng với bối cảnh, yêu cầu và cơ hội là hết sức cần thiết. Kinh tế tuần hoàn (KTTH) là xu hướng đang diễn ra mạnh mẽ cả phạm vi toàn cầu và trong nước với nhiều kỳ vọng về tạo dựng giá trị mới, việc làm mới, nâng cao hiệu quả tài nguyên, giảm ô nhiễm môi trường, giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa kinh tế với môi trường. Do đó, bài viết “Lồng ghép KTTH trong xây dựng NTM ở Việt Nam” hệ thống hóa cơ sở khoa học và đề xuất các tiêu chí, giải pháp để lồng ghép KTTH trong xây dựng NTM.

1. ĐẶC TRƯNG CỦA NÔNG THÔN VÀ CHỦ TRƯỞNG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

1.1. Nông thôn và những giá trị khác biệt của nông thôn

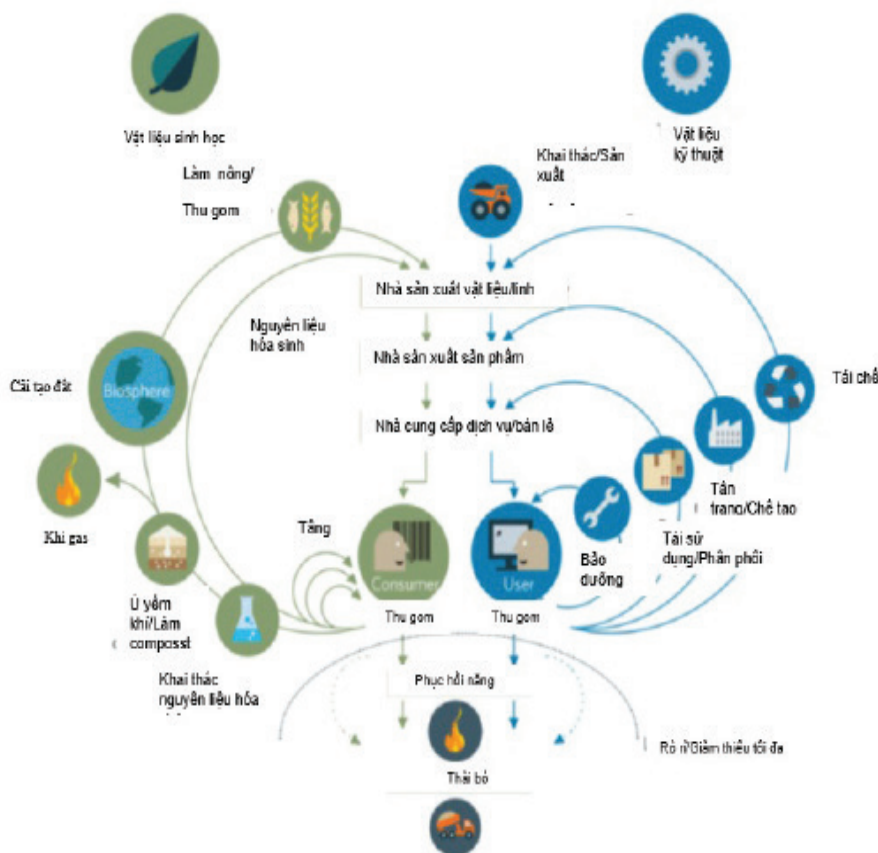
Nông thôn là khu vực sinh sống và sản xuất chủ yếu dựa vào nông nghiệp, có đặc trưng bởi cộng đồng gắn bó, chứa đựng các giá trị văn hóa dân gian, chứa đựng nhiều giá trị về vốn tự nhiên. Khu vực nông thôn chứa đựng đa dạng các chủ thể khác như cá nhân, hộ

gia đình, dòng họ, cộng đồng dân cư, hội; các thành phần kinh tế ở nông thôn đa dạng, hoạt động độc lập nhưng lại có mối quan hệ gắn kết, tương hỗ lẫn nhau. Đặc biệt, bao trùm lên tất cả với sự tồn tại của chủ thể là ở cấp độ cộng đồng. Cộng đồng sinh sống ở khu vực nông thôn là tập hợp của những người dân có cùng nền văn hóa, cùng phong tục, cùng sinh sống ở một nơi nhất định, hoặc có cùng sở thích trong sản xuất, kinh doanh, mối quan tâm, hoặc nghề nghiệp và chủ yếu làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp. Nông thôn là một mắt xích quan trọng tham gia vào chuỗi giá trị của nền kinh tế, đóng vai trò quan trọng trong cung ứng các sản phẩm, hàng hóa (nhất là các sản phẩm nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp), góp phần duy trì và tạo dựng chuỗi cung ứng, giá trị bền vững cho nền kinh tế, tạo ra việc làm và thu nhập cho người dân. So với khu vực đô thị nông thôn là nơi chứa đựng rất nhiều các tài nguyên thiên nhiên, hệ sinh thái và đa dạng sinh học có vai trò quan trọng trong việc cân bằng, cung cấp các chức năng để tạo dựng sinh kế bền vững, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

1.2. Khái quát về chủ trương xây dựng nông thôn mới

Xây dựng NTM là một trong những chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV (1976) đã đề ra chủ trương “xây dựng NTM” được nhấn mạnh: “Đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp phải kết hợp với xây dựng NTM”. Đặc biệt, chủ trương “xây dựng lại xóm làng, tăng cường đoàn kết, giúp nhau trong sản xuất và đời sống, đấu tranh xóa bỏ rác tàn dư phong kiến, các hình thức bóc lột, đầu tư trong nông thôn, đưa nông thôn tiến nhanh và tiến vững chắc vào con đường hợp tác hóa nông nghiệp và sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa”. Kể từ đó đến nay, qua các kỳ Đại hội Đảng toàn quốc, vị trí, vai trò của nông thôn, chủ trương xây dựng NTM tiếp tục được khẳng định rõ và cụ thể hơn trong các Văn kiện của Đảng.

Với sự nỗ lực vào cuộc mạnh mẽ của các cấp, các ngành trong triển khai chủ trương xây dựng NTM đến nay Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu đột phá như: (1) Kết cấu hạ tầng nông thôn đã được nâng cấp, hoàn thiện cả về chiều rộng và chiều sâu, tạo điều



Hình 1. Các chủ thể ở nông thôn vận dụng các nguyên tắc, chiến lược của KTTH theo chu trình hoàn nguyên kỹ thuật² hoặc chu trình sinh học³ để cùng tạo dựng giá trị trong xây dựng nông thôn mới

Nguồn: Ellen MacArthur Foundation, 2013

Chú thích:

¹ Bao gồm: cá nhân, gia đình, tổ hợp xác, HTX, cộng đồng dân cư, xã...

² Là việc tái tạo, phục hồi vật liệu bằng chu trình kỹ thuật thông qua các vòng lặp, biện pháp khác nhau (bảo trì và sửa chữa, tái sử dụng và phân phối lại, tân trang và chế tạo lại, và cuối cùng là tái chế).

³ Tuần hoàn đối với các tài nguyên, vật liệu có nguồn gốc sinh học (rơm, trấu, củi, gỗ....).

kiện cho sản xuất phát triển, bộ mặt nông thôn có nhiều đổi mới; (2) Cơ cấu kinh tế nông thôn đã có sự chuyển dịch rõ nét theo chiều hướng tích cực. Sản xuất phát triển, thu nhập và đời sống người dân nông thôn và vốn tích lũy được nâng lên; (3) Các giá trị văn hóa, tinh thần của người dân nông thôn được bảo tồn và phát triển. Đặc biệt, kể từ năm 2010 đến nay cách tiếp cận, thể chế, chính sách, hệ thống tổ chức, quy định trong xây dựng nông thôn mới không ngừng được hoàn thiện. Hệ thống văn bản về cơ chế chính sách, bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới được ban hành, cập nhật để tạo tiền đề cho cả nước xây dựng chương trình, kế hoạch, theo dõi, đánh giá, giám sát kết quả thực hiện.

Tuy nhiên, triển khai chủ trương xây dựng NTM còn tồn tại những hạn chế được chỉ ra như: xây dựng nông thôn mới chưa đồng đều, nhiều nơi chưa chú trọng đúng mức đến phát triển sản xuất, tạo sinh kế, xây dựng đời sống văn hóa; ô nhiễm môi trường nông thôn gia tăng; một số vấn đề xã hội phức tạp phát sinh ở nhiều địa phương, gây bức xúc trong xã hội; năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh còn nhiều hạn chế.

2. TIỀM NĂNG ÁP DỤNG KINH TẾ TUẦN HOÀN TRONG NÔNG THÔN VÀ CƠ HỘI TẠO RA GIÁ TRỊ MỚI TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

2.1. Tổng quan về kinh tế tuần hoàn

KTTH là một hệ thống kinh tế mà sử dụng cách

tiếp cận hệ thống để duy trì dòng tuần hoàn tài nguyên thông qua phục hồi, giữ lại hoặc tạo thêm các giá trị của chúng trong khi vẫn đóng góp cho phát triển bền vững. KTTH cũng được xác định là một hệ thống với sự phục hồi và tái tạo thông qua thiết kế nhằm hướng đến các mục tiêu: (1) Bảo tồn và tăng cường vốn tự nhiên thông qua kiểm soát các tài sản hữu hạn và cân bằng các dòng tài nguyên tái tạo nhằm tạo đòn bẩy để tái tạo, số hóa và trao đổi; (2) Tối ưu hóa năng suất tài nguyên thông qua tuần hoàn các sản phẩm, các linh kiện và nguyên liệu trong sử dụng ở mức lợi ích cao nhất ở mọi lúc trong cả chu trình kỹ thuật và sinh học; (3) Thúc đẩy hiệu quả của toàn hệ thống bằng cách tối thiểu hóa và thiết kế để loại bỏ các ngoại ứng tiêu cực. Các biện pháp thực hiện KTTH đa dạng thông qua các nhiều hình thức khác nhau như: từ chối sử dụng các sản phẩm gây hại cho môi trường, áp dụng các biện pháp sửa chữa, tái sử dụng, tái sản xuất, tái chế, cộng sinh công nghiệp để đạt được mục tiêu giảm tiêu hao nguyên liệu, nhiên liệu, kéo dài vòng đời sản phẩm, hạn chế tối đa lượng chất thải thải ra môi trường. KTTH được xem xét theo nhiều lăng kính, cấp độ khác nhau tùy theo vị trí, vai trò của mỗi chủ thể trong nền kinh tế như: (i) Vĩ mô để phục vụ mục đích quản lý nhà nước ở phạm vi toàn quốc, ngành và địa phương; (ii) Cấp độ trung gian, cộng sinh áp dụng trong phạm vi một khu vực, một chuỗi cung ứng; (iii) Cấp độ cơ sở



sản xuất, kinh doanh dịch vụ; (iv) Cấp độ sản phẩm, dịch vụ.

Các nguyên tắc bổ trợ và liên kết với nhau trong áp dụng KTTH gồm: (1) Tư duy hệ thống - các tổ chức áp dụng quan điểm vòng đời và phương pháp tiếp cận dài hạn khi xem xét tác động của họ đối với hệ thống môi trường, xã hội và kinh tế; (2) Tạo dựng giá trị - các tổ chức phục hồi, duy trì và tạo giá trị gia tăng thông qua cung cấp các biện pháp hiệu quả để đóng góp giá trị cho kinh tế - xã hội và môi trường, sử dụng các nguồn lực tự nhiên một cách hiệu quả; (3) Chia sẻ giá trị - các tổ chức hợp tác với các đối tác quan tâm thông qua chuỗi giá trị hoặc mạng lưới giá trị theo cách bao trùm và cân bằng về lợi ích và phúc lợi xã hội bởi chia sẻ giá trị tạo ra với tầm nhìn về giải pháp; (4) Quản lý dòng tài nguyên - Khả năng đánh giá tài nguyên: các tổ chức quản lý trữ lượng và dòng chảy một cách bền vững, bao gồm việc đóng, làm chậm và thu hẹp dòng chảy tài nguyên để góp phần nâng cao khả năng đánh giá tài nguyên và duy trì nguồn tài nguyên sẵn có cho các thế hệ hiện tại và tương lai, đồng thời giảm thiểu rủi ro liên quan đến việc phụ thuộc vào tài nguyên chưa được khai thác; (5) Khả năng truy suất nguồn gốc tài nguyên - các tổ chức kết nối và chia sẻ dữ liệu để cho phép quản lý tài nguyên thông qua chuỗi giá trị và có trách nhiệm chia sẻ các thông tin liên quan với các bên quan tâm; (6) Khả năng phục hồi hệ sinh thái - phát triển và thực hiện các hành động và chiến lược để bảo vệ và đóng góp cho tái tạo hệ sinh thái tự nhiên và đa dạng sinh học.

Thông qua việc áp dụng cách tiếp cận, chiến lược và nguyên tắc của KTTH, các chủ thể có cơ hội tạo dựng ra các mô hình kinh doanh tuần hoàn mới gắn với điều kiện về nguyên liệu, chất thải, thể chế, chính sách, công nghệ. Các mô hình kinh doanh tuần hoàn tiềm năng có thể áp dụng như: (1) Mô hình cung cấp tuần hoàn là các mô hình sản xuất, cung cấp và thay thế các nguyên liệu đầu vào truyền thống bằng các nguyên liệu tái tạo, dựa trên sinh học, phục hồi, năng lượng tái tạo, sản phẩm thân thiện và dịch vụ với môi trường; (2) Mô hình phục hồi tài nguyên: Mô hình thu hồi, tái chế, tái sản xuất từ chất thải để sản xuất, cung cấp nguyên liệu thứ cấp từ chất thải đối với các sản phẩm trọng tâm chứa các nguyên liệu kim loại, giấy và bột giấy, nhựa, thực phẩm, vật liệu xây dựng, khu công nghiệp sinh thái, khu đô thị và khu dân cư; (3) Mô hình kinh doanh kéo dài vòng đời sản phẩm thông qua việc áp dụng các biện pháp sửa chữa, nâng cấp đối với các sản phẩm trọng tâm gồm phương tiện giao thông, máy móc, thiết bị điện và điện tử, công trình xây dựng; (4) Mô hình chia sẻ trên nền tảng số để tăng cường sử dụng các sản phẩm và dịch vụ hiện có trong các lĩnh

vực vận tải, năng lượng, máy móc, thiết bị, tiêu dùng, du lịch, nông lâm ngư nghiệp; (5) Mô hình chuyển đổi từ bán sản phẩm sang mô hình hệ thống dịch vụ để cung cấp dịch vụ thay vì cung cấp sản phẩm. Quyền sở hữu sản phẩm vẫn thuộc về nhà cung cấp trong các lĩnh vực tiềm năng như vận tải, hóa chất, năng lượng.

2.2. Tiềm năng và cơ hội tạo dựng giá trị mới trong lồng ghép KTTH tuần hoàn trong xây dựng nông thôn mới

Với các đặc trưng về hoạt động kinh tế, các chủ thể và sự liên kết chặt chẽ ở khu vực nông thôn cho thấy, việc lồng ghép KTTH trong xây dựng NTM có nhiều tiềm năng như:

Thứ nhất, tạo ra các cơ hội kinh doanh, mô hình kinh doanh và sản phẩm, dịch vụ mới

Do nông nghiệp là một trong những hoạt động kinh tế của khu vực nông thôn nên việc vận dụng các biện pháp, chiến lược của KTTH sẽ giúp tạo ra các mô hình kinh doanh tuần hoàn mới, tạo ra giá trị gia tăng mới, việc làm mới cho khu vực nông thôn trong bối cảnh áp lực về kinh tế vẫn là yếu tố trọng tâm cần phải đạt được để góp phần đưa kinh tế nông thôn, đời sống của nông dân nâng lên. Dưới đây, là một số gợi ý về một số mô hình kinh doanh hoàn nông nghiệp có thể áp dụng ở Bảng 1.

Thứ hai, phát triển các mô hình cộng sinh để tạo ra chuỗi giá trị khép kín và mở rộng

Khu vực nông thôn có thể xây dựng hệ thống sản xuất gắn kết từ khâu sản xuất, chế biến, tiêu thụ và tái chế, đảm bảo tính bền vững và gia tăng giá trị. Theo đó, các chủ thể ở nông thôn có thể tìm kiếm các cơ hội mới để tối ưu hóa giá trị của nguyên liệu, vật liệu, sản phẩm và chất thải tại cộng đồng dân cư. Ví dụ, hoạt động hợp tác giữa các chủ thể sản xuất, kinh doanh trong một lĩnh vực vực nông nghiệp với nhau hoặc giữa các chủ thể của lĩnh vực nông nghiệp với các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc các lĩnh vực khác như du lịch, thực phẩm, chế biến... nhằm tối ưu hóa việc sử dụng các yếu tố đầu vào, đầu ra như nguyên vật liệu, nước, năng lượng, chất thải, phế liệu trong quá trình sản xuất kinh doanh. Thông qua hợp tác, các doanh nghiệp hình thành mạng lưới trao đổi các yếu tố phục vụ sản xuất, sử dụng chung hạ tầng và các dịch vụ phục vụ sản xuất, cải thiện quy trình công nghệ và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo dựng giá trị gia tăng mới.

Cộng sinh trong phát triển KTTH ở nông thôn còn được xem như một dạng mô hình tuần hoàn khép kín. Theo cách tiếp cận của mô hình này thì các dòng vật chất được luân chuyển trong nội bộ đơn vị sản xuất để tận dụng một cách tối ưu nguyên liệu, vật liệu và chất thải trong nội bộ nông hộ/trang trại hoặc trong cộng

Bảng 1. Gợi ý một số mô hình kinh doanh tuần hoàn tiềm năng trong nông nghiệp

TT	Mô hình	Áp dụng, ví dụ trong nông nghiệp
1	Mô hình cung cấp tuần hoàn	Sản xuất và cung ứng các sản phẩm thân thiện với môi trường, sản phẩm có nguồn gốc từ thiên nhiên như: Bao bì làm từ bã mía; bát, cốc, chén làm từ mo cau và các dụng cụ, sản phẩm khác.
2	Mô hình phục hồi tài nguyên	Thu gom, tái chế các phụ phẩm, chất thải từ hoạt động nông nghiệp để chế biến ra các sản phẩm hữu ích hoặc thu hồi năng lượng. Ví dụ: thu hồi rơm, rạ, trấu, sơ dừa, củi/gỗ trong trồng rừng, phụ phẩm từ chế biến thủy sản, thực phẩm dư thừa... để sản xuất và cung ứng các sản phẩm hữu ích như phân bón hữu cơ, nước hoa, dầu rửa chén, than củi... Sử dụng rơm rạ làm vật trung gian, sử dụng vỏ tôm cua làm nhựa sinh học, xử lý phụ phẩm tôm phục vụ ngành dược phẩm (Chitosan, Collagen...), thực phẩm (dầu tôm, dầu cá...).
3	Mô hình kéo dài vòng đời sản phẩm	Áp dụng các biện pháp công nghệ chế biến sau thu hoạch để kéo dài vòng đời sản phẩm trong nông nghiệp ; nâng cao hiệu quả và tái sử dụng các trang thiết bị, công cụ, dụng cụ, máy móc trong nông nghiệp...
4	Mô hình chia sẻ	Hợp tác sản xuất nông nghiệp, xây dựng mạng lưới kết nối từ trang trại đến bàn ăn dựa trên các nền tảng giao dịch cộng đồng. Hình thành các cơ chế hợp tác để cùng chia sẻ về máy móc, thiết bị, hạ tầng, kiến thức, đất đai, kinh nghiệm, nguồn nước trong hoạt động sản xuất nông nghiệp.
5	Mô hình chuyển từ sản phẩm sang dịch vụ	Cung cấp các dịch vụ thuê máy móc, thiết bị sản xuất nông nghiệp thay vì mua và sử dụng không hiệu quả.

Nguồn: Tác giả tổng hợp, 2025

đồng dân cư. Nguyên tắc của mô hình này là các phụ phẩm, chất thải của ngành này được tận dụng và trở thành nguyên liệu cho một quá trình khác và được sử dụng một cách tiết kiệm và hiệu quả. Với mô hình này thì trong nông trại thường sẽ kết hợp đa ngành trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, các ngành sẽ tích hợp với nhau để hỗ trợ nhau. Nông trại có thể sản xuất nhiều loại sản phẩm phục vụ cho chính nó, giảm sự phụ thuộc vào nguồn lực bên ngoài. Ngoài ra, các khu vực nông thôn có thể mở rộng vòng tuần hoàn thông qua thiết lập cơ chế hợp tác giữa cộng đồng dân cư nông thôn với nhau, giữa đô thị và nông thôn, giữa du lịch và nông nghiệp... để triển khai các sáng kiến tạo ra lợi ích kinh tế mới, tối ưu hóa giá trị của tài nguyên thiên nhiên, giảm thiểu chất thải và nâng cao hiệu quả toàn hệ thống.

Thứ ba, KTTH trong nông thôn có thể áp dụng bởi rất nhiều các chủ thể khác nhau ở nông thôn

Áp dụng KTTH trong nông thôn với các chủ thể:
(1) Trong nông hộ - các nông hộ có thể thiết kế và tổ chức sản xuất kinh doanh theo các mô hình sau: Mô hình Vườn - ao - chuồng (VAC) hoặc mô hình Vườn - Ao - Chuồng - Rừng (VACR): Nuôi cá, trồng cây và chăn nuôi heo/gà trong một hệ thống nhỏ; Mô hình tạo và dùng khí đốt từ chất thải, nước thải trong chăn nuôi, trồng trọt; Mô hình kết hợp trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản như VAC, VACR, lúa-tôm, lúa-cá; Mô hình nông-lâm kết hợp; Sử dụng phế phụ phẩm trong nông

nghiệp làm chất xúc tác hay tạo ra các sản phẩm có giá trị; (2) Tại các trang trại, cộng đồng dân cư theo quy mô vừa và lớn, dành cho các trang trại chuyên canh hoặc kết hợp. Ví dụ: Một trang trại trồng cây ăn quả và nuôi ong để tận dụng lợi ích thụ phấn; (3) Trong các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh lớn thông qua áp dụng công nghệ hiện đại, quy mô lớn, tối ưu hóa chuỗi tuần hoàn tài nguyên và sản xuất hàng hóa. Ví dụ: Các nhà máy sản xuất nông sản tái sử dụng phụ phẩm để sản xuất phân hữu cơ hoặc năng lượng tái tạo (biogas); (4) Các chủ thể nông thôn có thể hình thành ra các mô hình tổ hợp tác, hợp tác xã hoặc các cơ chế liên kết khác để triển khai hiệu quả và tạo dựng giá trị thông qua áp dụng KTTH.

Thứ tư, nông thôn là nơi phát sinh các phụ phẩm, chất thải cần phải được thu gom, xử lý nhằm giảm thiểu các áp lực môi trường

Theo ước tính, Việt Nam hiện có khoảng 62 triệu dân sinh sống ở vùng nông thôn, chiếm xấp xỉ 65% dân số. Cùng với đà tăng dân số, mỗi năm khu vực này thải ra môi trường khoảng 13 triệu tấn rác thải sinh hoạt, 1.300 triệu m³ nước thải sinh hoạt, 47 triệu tấn chất thải chăn nuôi và hơn 14 nghìn tấn bao bì hóa chất bảo vệ thực vật, phân bón... Tuy nhiên, chỉ khoảng 50% khối lượng rác thải trên được thu gom, xử lý. Số còn lại chủ yếu là chất thải rắn và khó phân hủy, tiềm ẩn nguy cơ gây hại rất lớn cho môi trường và sức khỏe người dân. Chưa kể, phần lớn lượng rác



thải được xử lý thông qua phương pháp chôn lấp; về lâu dài sẽ tác động ngược đối với môi trường, nguồn nước, cũng như hệ sinh thái bên cạnh nó. Rác thải sinh hoạt ở nông thôn chưa được quản lý đáp ứng quy định bằng khu vực đô thị và chưa được xử lý triệt để khiến cho nhiều địa phương phải tìm phương án. Bên cạnh việc thành lập các tổ, hợp tác xã, công ty... thu gom chất thải sinh hoạt là tìm địa điểm để chôn lấp, tìm nguồn kinh phí để xây dựng lò đốt. Tuy nhiên, hoạt động này cũng rất khó khăn do phần lớn việc thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt là do các hợp tác xã, tổ, đội tự quản của địa phương đảm nhiệm.

Do đó, việc triển khai KTTH ở khu vực nông thôn có ý nghĩa để giảm áp lực đáp ứng các tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới thông qua thúc đẩy áp dụng các giải pháp theo thứ tự ưu tiên sau: tái sử dụng sản phẩm thải bỏ; sửa chữa, bảo dưỡng, bảo trì hoặc nâng cấp sản phẩm bị lỗi, sản phẩm cũ để kéo dài thời gian sử dụng; tận dụng thành phần, linh kiện của sản phẩm thải bỏ; tái chế chất thải rắn để thu hồi nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất theo quy định của pháp luật; xử lý chất thải rắn kết hợp thu hồi năng lượng theo quy định của pháp luật; chôn lấp chất thải rắn theo quy định của pháp luật. Cùng với đó, khuyến khích các chủ thể ở nông thôn áp dụng giải pháp chuyển đổi số, phát triển

và ứng dụng mô hình kinh doanh dựa trên nền tảng số để thúc đẩy giảm thiểu phát sinh, tái sử dụng, phân loại, thu gom, vận chuyển, tái chế và xử lý chất thải rắn.

Thứ năm, là cơ hội để tạo ra các giá trị, lợi ích mới về kinh tế, xã hội, đồng thời giảm thiểu các áp lực về đáp ứng tiêu chí môi trường trong xây dựng NTM, cụ thể:

(1) Nâng cao hiệu quả hoạt động kinh tế ở khu vực nông thôn do góp phần làm giảm chi phí sản xuất, tạo ra các sản phẩm có giá trị cao từ chất thải, tăng doanh thu cho nông dân; (2) Nâng cao năng lực cạnh tranh cho sản phẩm, trong bối cảnh các thị trường xuất khẩu lớn như châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc và một số thị trường trong khối ASEAN tăng cường áp dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật liên quan đến tuần hoàn thì việc lồng ghép KTTH sẽ phát triển các sản phẩm nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp xanh có lợi thế cạnh tranh trên thị trường quốc tế, đáp ứng yêu cầu của các thị trường khó tính; (3) Tạo ra việc làm và nâng cao thu nhập, khả năng tích lũy cho khu vực nông thôn thông qua phát triển các mô hình sản xuất mới, các ngành nghề phụ trợ, góp phần giải quyết việc làm tại khu vực nông thôn; (4) Sử dụng hiệu quả, bền vững nguồn vốn tự nhiên, giảm thiểu chất thải, nâng cao khả năng phục hồi của hệ sinh thái tự nhiên và đa dạng sinh học ở khu vực nông thôn qua đó giúp giải quyết tồn tại, hạn chế trong việc thực hiện các tiêu chí về môi trường trong

BIỆN PHÁP KHUYẾN KHÍCH THỰC HIỆN KINH TẾ TUẦN HOÀN TRONG PHÁP LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Nhà nước ưu tiên đầu tư phát triển KTTH với các hoạt động như sau:

- Nghiên cứu khoa học, phát triển ứng dụng, chuyển giao công nghệ và sản xuất thiết bị, đào tạo nhân lực để thực hiện KTTH.
- Cung cấp nền tảng chia sẻ thông tin, dữ liệu về KTTH.

2. Tổ chức, cá nhân có hoạt động, dự án áp dụng mô hình KTTH thuộc đối tượng được ưu đãi, hỗ trợ về BVMT, dự án được cấp tín dụng xanh theo quy định của pháp luật được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ theo quy định tại các Điều [7]: 131, 132, 133, 134, 135 và 137 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và quy định của pháp luật khác có liên quan và cơ chế khuyến khích về tín dụng xanh, trái phiếu xanh theo quy định tại các Điều 154, 155, 156 và 157 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3. Nhà nước khuyến khích các hoạt động phát triển KTTH, cụ thể:

- Nghiên cứu, phát triển công nghệ, giải pháp kỹ thuật, cung cấp các dịch vụ tư vấn, thiết kế, đánh giá thực hiện kinh tế tuần hoàn theo quy định của pháp luật.
- Phát triển các mô hình liên kết, chia sẻ việc sử dụng tuần hoàn sản phẩm và chất thải; thành lập các tổ hợp tác [8], hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã [9], liên minh tái chế, các mô hình liên kết vùng, liên kết đô thị với nông thôn và các mô hình khác theo quy định của pháp luật để thực hiện các hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đạt được tiêu chí của KTTH.
- Áp dụng các biện pháp cộng sinh công nghiệp theo quy định của pháp luật về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế.
- Phát triển thị trường tái sử dụng sản phẩm thải bỏ, tái chế chất thải.
- Huy động các nguồn lực trong xã hội để thực hiện KTTH theo quy định của pháp luật.
- Hợp tác quốc tế, trao đổi kinh nghiệm, kiến thức, công nghệ về KTTH theo quy định của pháp luật.

Nguồn: Điều 140 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP



nông thôn mới hiện nay; (5) Giải pháp để phát huy giá trị vốn có và khác biệt với khu vực đô thị thông qua thiết lập các liên kết mới bền vững giữa các chủ thể (cá nhân, gia đình, dòng họ, cộng đồng dân cư); Liên kết các lĩnh vực có liên quan như: Liên kết 3 trụ cột về nông nghiệp - nông thôn - nông dân; giữa nông nghiệp - công nghiệp chế biến thực phẩm; nông nghiệp với thực phẩm và tiêu dùng; công - nông - thương; nông nghiệp với du lịch; giữa đô thị - nông thôn. Liên kết và hợp tác là điều kiện và là thách thức lớn nhất trong KTTH nhưng thực hiện ở khu vực nông thôn thì đây lại là lợi thế khác biệt so với khu vực đô thị; (6) Phương thức để duy trì và phát triển các tri thức truyền thống của người dân nông thôn, đặc biệt là những tri thức về sử dụng khôn khéo nguồn vốn tự nhiên; sản xuất và cung cấp các sản phẩm có nguồn gốc tự nhiên (từ tre, nứa, gỗ...).

2.3. Khung chính sách và pháp luật hỗ trợ cho lồng ghép kinh tế tuần hoàn trong xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam

Việc lồng ghép KTTH trong xây dựng NTM là hoàn toàn phù hợp với định hướng, chiến lược, chính sách và pháp luật hiện nay ở Việt Nam, cụ thể:

Mặc dù, chưa đầy đủ nhưng so với các quốc gia trong khu vực ASEAN và thế giới, Việt Nam đã thiết lập được hệ thống các chủ trương, chính sách và quy định pháp luật khá toàn diện trong thúc đẩy thực hiện KTTH. Đặc biệt, các định hướng hỗ trợ cho lồng ghép KTTH trong xây dựng NTM nói riêng và cho lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn và nông dân nói chung đã tương đối toàn diện và được thể hiện trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2021 - 2030; Nghị quyết số 19/NQ-TW ngày 16/6/2022 về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Đề án phát triển KTTH tại Việt Nam; Đề án phát triển khoa học và ứng dụng, chuyển giao công nghệ thúc đẩy KTTH trong nông nghiệp đến năm 2030. Đặc biệt, Nghị quyết số 19/NQ-TW đã chỉ ra quan điểm, nhiệm vụ, giải pháp có vai trò hỗ trợ cho việc lồng ghép KTTH ở khu vực nông thôn như: (1) Khuyến khích phát triển nông nghiệp xanh, hữu cơ, tuần hoàn, chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), giảm phát thải khí nhà kính...; (2) Khuyến khích phát triển nông nghiệp tuần hoàn, tái sử dụng phụ phẩm, áp dụng công nghệ mới, tiên tiến, thân thiện môi trường.

Dưới góc độ pháp luật Việt Nam là một trong những quốc gia đầu tiên ở ASEAN thể chế hóa chủ trương về khuyến khích phát triển KTTH trong pháp luật BVMT. Tại Điều 142 của Luật BVMT năm 2020 đã đưa ra định nghĩa về KTTH ở Việt Nam, theo đó, "KTTH là mô hình kinh tế trong đó các hoạt động thiết kế, sản xuất, tiêu dùng và dịch vụ nhằm giảm khai

thác nguyên liệu, vật liệu, kéo dài vòng đời sản phẩm, hạn chế chất thải phát sinh và giảm thiểu tác động xấu đến môi trường". Tại Khoản 2 Điều 142 của Luật BVMT năm 2020 cũng quy định trách nhiệm cho các Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lồng ghép kinh tế tuần hoàn ngay từ khi xây dựng các chiến lược, chương trình, quy hoạch, kế hoạch, đề án phát triển và quản lý chất thải. Các quy định về tiêu chí, lộ trình và trách nhiệm thực hiện KTTH, khuyến khích phát triển KTTH được cụ thể hóa trong Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT. Đặc biệt, Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện KTTH đến năm 2035 được Thủ tướng Chính phủ ban hành đã cụ thể hóa lộ trình thực hiện KTTH ở Việt Nam với tinh thần khuyến khích tất cả các tổ chức, cá nhân trong nền kinh tế áp dụng KTTH. Gần đây Trung ương cũng đã ban hành ra các chính sách mới về ưu đãi, hỗ trợ lãi suất; tiếp cận nguồn vốn cho áp dụng KTTH trong lĩnh vực nông nghiệp. Một số biện pháp cụ thể khuyến khích tiếp cận tín dụng xanh trong nông nghiệp tuần hoàn như sau: (1) Nghị Quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân quy định tại khoản 1 Điều 9 về hỗ trợ tài chính, tín dụng: "Doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh được Nhà nước hỗ trợ lãi suất 2%/năm khi vay vốn để thực hiện các dự án xanh, tuần hoàn và áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị (ESG)"; (2) Nghị định số 156/2025/NĐ-CP ngày 16/6/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2025/NĐ-CP về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định 116/2018/NĐ-CP quy định tại Khoản 1 Điều 15a về chính sách tín dụng khuyến khích nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn quy định: "Khách hàng có dự án, phương án sản xuất kinh doanh sản phẩm nông nghiệp hữu cơ theo quy định của pháp luật về nông nghiệp hữu cơ hoặc dự án, phương án sản xuất kinh doanh sản phẩm nông nghiệp đáp ứng tiêu chí về KTTH theo quy định của pháp luật về KTTH được tổ chức tín dụng xem xét cho vay không có tài sản bảo đảm tối đa bằng 70% giá trị của dự án, phương án".

3. THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN VÀ ĐỀ XUẤT LỒNG GHÉP KINH TẾ TUẦN HOÀN TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

3.1. Thuận lợi, khó khăn để lồng ghép KTTH trong xây dựng nông thôn mới

Trong bối cảnh nguồn lực tài nguyên thiên nhiên ngày càng khan hiếm, các quốc gia, thị trường xuất



khẩu mới ngày càng thiết chặt các quy định, tiêu chuẩn về tuần hoàn đòi hỏi các quốc gia, doanh nghiệp và nông dân phải có chiến lược để thay đổi nhằm đáp ứng các yêu cầu, chuẩn mực mới. Ở trong nước việc tái cấu trúc hệ thống tổ chức, bộ máy chính quyền các cấp sẽ tạo ra cơ hội mới trong việc mở rộng quy mô, tăng cường liên kết để mở rộng cơ hội áp dụng KTTH nói chung và khu vực nông thôn nói riêng. Cùng với sự chỉ đạo của Đảng, kiến tạo về chính sách, pháp luật của Nhà nước đã và đang tạo ra nền tảng để thúc đẩy đổi mới, sáng tạo trong mọi tầng lớp dân cư để thúc đẩy thực hiện KTTH.

Tuy nhiên, việc thúc đẩy KTTH ở khu vực nông thôn cũng gặp nhiều khó khăn, thách thức như: (1) Nhận thức và tư duy về KTTH trong khu vực nông thôn còn hạn chế. KTTH là vấn đề mới và khó khăn, phức tạp trong khi đó lực lượng lao động và người dân ở khu vực nông thôn chủ yếu là nông dân nên việc tiếp cận khái niệm, sáng kiến mới còn rất hạn chế; (2) Tư duy về kinh tế tuyến tính ở cả cán bộ và người dân vẫn là chủ đạo. Phần lớn cán bộ và người dân vẫn có tâm lý chạy theo lợi nhuận trước mắt, ưu tiên sản xuất theo mô hình tuyến tính thay vì tư duy hệ thống, đầu tư dài hạn cho sản xuất tuần hoàn; (3) Cơ chế chính sách cho kinh tế tuần hoàn còn đang trong quá trình hoàn thiện, chưa đồng bộ và có cơ chế điều phối hiệu quả giữa các công cụ khác nhau để tạo động lực đột phá và hệ sinh thái hỗ trợ cần thiết; (4) Khó khăn tiếp cận vốn: các doanh nghiệp nông nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, gặp khó khăn lớn trong việc tiếp cận vốn đầu tư cho công nghệ tái chế, xử lý chất thải do yêu cầu đầu tư lớn và các nhà đầu tư còn e ngại; (5) Khoa học công nghệ và hạ tầng: việc đầu tư và phổ biến các công nghệ phù hợp với điều kiện địa phương, giúp tái chế, tái sử dụng phế phụ phẩm còn yếu; (6) Nguồn nhân lực có chuyên môn sâu, đặc biệt là đội ngũ chuyên gia về kinh tế tuần hoàn, còn thiếu hụt ở khu vực nông thôn; (7) Cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật phục vụ quản lý môi trường và xử lý chất thải nông nghiệp còn chưa đáp ứng yêu cầu; (8) Các chuỗi giá trị trong nông nghiệp chưa được liên kết chặt chẽ, nhiều doanh nghiệp và nông dân còn hoạt động đơn lẻ, thiếu sự hợp tác; (9) Chưa có hệ thống thông tin, dữ liệu và cơ chế kiểm tra, giám sát hiệu quả cho việc triển khai kinh tế tuần hoàn.

3.2. Đề xuất lồng ghép tiêu chí, giải pháp kinh tế tuần hoàn trong xây dựng nông thôn mới

Việc lồng ghép KTTH vào trong xây dựng nông thôn mới là hoàn toàn phù hợp với chủ trương, quy định pháp luật hiện hành ở Việt Nam. Do vậy, để KTTH góp phần tạo ra động lực mới cho triển khai

chính sách về xây dựng NTM, đề xuất lồng ghép tiêu chí, giải pháp sau:

a) Về lồng ghép tiêu chí

Các tiêu chí cần được cân nhắc, khuyến khích các cấp, các ngành lồng ghép KTTH trong tiêu chí nông thôn mới để làm căn cứ triển khai các chính sách, biện pháp, theo dõi, đánh giá gồm: (1) Nhóm tiêu chí phản ánh mức độ hiệu quả sử dụng nguồn lực đầu vào trong khu vực nông thôn như: giảm khai thác, sử dụng tài nguyên không tái tạo, tài nguyên nước; tăng hiệu quả sử dụng tài nguyên, nguyên liệu thô, vật liệu; tiết kiệm năng lượng; (2) Kéo dài thời gian sử dụng vật liệu, thiết bị, sản phẩm, hàng hóa, các linh kiện, cấu kiện; (3) Hạn chế chất thải phát sinh và giảm thiểu tác động xấu đến môi trường bao gồm: giảm chất thải rắn, nước thải, khí thải; giảm sử dụng hóa chất độc hại; tái chế chất thải, thu hồi năng lượng; giảm sản phẩm sử dụng một lần; mua sắm xanh; (4) Nâng cao khía cạnh kinh tế, gia tăng lợi ích, thúc đẩy đổi mới, sáng tạo và huy động nguồn lực trong thực hiện KTTH.

b) Giải pháp lồng ghép KTTH trong xây dựng nông thôn mới

Trên cơ sở những tiềm năng áp dụng, thách thức đặt ra trong phát triển KTTH khu vực nông thôn, để đóng góp cho việc tạo dựng giá trị mới, việc làm mới và giảm thiểu rủi ro về môi trường, các địa phương cần lồng ghép các giải pháp sau trong quá trình triển khai chính sách về nông thôn mới.

Về thể chế, chính sách và quy hoạch: Cần thúc đẩy các chính sách hiện có về khuyến khích thực hiện KTTH ở Việt Nam như ưu đãi, hỗ trợ, tiếp cận tín dụng xanh, trái phiếu xanh; hoàn thiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với sản phẩm, vật liệu thứ cấp, chất thải; đưa các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế tuần hoàn vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cấp quốc gia, ngành và địa phương.

Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: Tạo cơ hội cho người dân nông thôn tiếp cận với các công nghệ, kỹ thuật mới với chi phí thấp để triển khai các sáng kiến về KTTH trong xây dựng NTM. Tăng cường chuyển giao công nghệ, kỹ thuật để thúc đẩy áp dụng KTTH phù hợp với đặc trưng về sản phẩm, chất thải, quy mô và trình độ của khu vực nông thôn. Đặc biệt, cần phải có các biện pháp để kích thích đổi mới sáng tạo, tư duy hệ thống cho các chủ thể nông thôn để “tư duy lại” và tìm kiếm các cơ hội hình thành các mô hình kinh doanh tuần hoàn, sản phẩm, dịch vụ có liên quan đến KTTH, triển khai nhân rộng các mô hình sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, các mô hình sản xuất và tiêu dùng bền vững, tái sử dụng, tái chế, thu hồi năng lượng, mô hình chia sẻ...



Cơ sở hạ tầng: Xây dựng hệ thống hạ tầng có vai trò nền tảng và phải được xem là một trong những đột phá để thúc đẩy áp dụng KTTH trong xây dựng nông thôn mới. Các cơ sở hạ tầng quan trọng cần được quan tâm gồm: hạ tầng giao thông và logistic; hạ tầng hỗ trợ phân loại, thu gom, xử lý chất thải và tái chế ở khu vực nông thôn theo hướng đồng bộ, liên vùng và hạn chế thấp nhất việc chôn lấp chất thải, gây hại cho môi trường; hạ tầng số và công nghệ thông tin.

Kiến thức và nguồn nhân lực: Cần sớm xây dựng các tài liệu hướng dẫn theo hướng đơn giản, dễ hiểu cho người dân nông thôn; triển khai mạnh mẽ lồng ghép KTTH trong hoạt động truyền thông, phổ biến pháp luật và kiến thức về BVMT. Lồng ghép vào các chương trình khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư và khuyến công để nâng cao kiến thức về KTTH.

Liên kết và thị trường: Hỗ trợ và tìm biện pháp khuyến khích các chủ thể ở nông thôn liên kết để tìm kiếm, áp dụng và tạo dựng các giá trị mới, việc làm mới thông qua áp dụng KTTH ở từng cấp độ. Xây dựng chuỗi giá trị tuần hoàn từ sản xuất - chế biến - tiêu thụ - tái chế. Tăng cường các cơ chế liên kết sau: giữa đô thị với nông thôn để thúc đẩy hiệu quả toàn hệ thống kinh tế trong tạo dựng giá trị, thiết lập các dòng tài nguyên hiệu quả; liên kết 4 nhà “nhà nông, doanh nghiệp, nhà khoa học, nhà nước”; liên kết giữa nông nghiệp với thực phẩm, chế biến; khuyến khích và tạo điều kiện cho người dân nông thôn thành lập các mô hình tổ hợp tác, hợp tác xã, mô hình liên kết khác trong thực hiện KTTH...

Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức xã hội nghề nghiệp ở nông thôn như đoàn thanh niên, phụ nữ, nông dân... để hỗ trợ áp dụng, liên kết triển khai các sáng kiến về KTTH phù hợp với đặc trưng của địa phương, vùng, miền.

4. KẾT LUẬN

Lồng ghép KTTH vào trong thực hiện chủ trương xây dựng NTM là một cách tiếp cận phù hợp, hướng đi tất yếu và phù hợp để thúc đẩy đạt được các mục tiêu phát triển bền vững ở khu vực nông thôn, góp phần tạo dựng ra các giá trị và cơ hội kinh tế mới cho người dân nông thôn, góp phần xây dựng nền nông nghiệp thịnh vượng, nông thôn văn minh, hiện đại, nông dân giàu có, bảo tồn nguồn vốn tự nhiên và giảm thiểu ô nhiễm và tối ưu hóa tài nguyên. Đặc biệt, phát triển KTTH ở nông thôn sẽ giúp khai thác được lợi thế, giá trị vốn có và khác biệt trong thiết lập đa dạng các hình thức liên kết khu vực nông thôn – một trong những thách thức lớn nhất của KTTH. Tuy nhiên, để KTTH trở thành một trong những phương thức tiếp cận ưu tiên

trong xây dựng nông thôn mới thì còn tồn tại nhiều khó khăn, thách thức cần phải giải quyết như: chính sách, hạ tầng, kiến thức, công nghệ, tài chính, nguồn nhân lực. Trên cơ sở nhận diện các tiềm năng, hiện trạng chủ trương, chính sách và quy định pháp luật về KTTH ở nông thôn, bài viết đã có một số đề xuất để khuyến khích các địa phương lồng ghép các tiêu chí, giải pháp thúc đẩy KTTH trong xây dựng NTM. Các giải pháp đề xuất được tập trung vào các khía cạnh: Hoàn thiện chính sách, pháp luật; thúc đẩy khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; hạ tầng ở khu vực nông thôn; nâng cao kiến thức, kỹ năng cho các chủ thể ở nông thôn; liên kết và tạo dựng thị trường; phát huy vai trò của Mặt trận tổ quốc và các tổ chức có liên quan để thúc đẩy đổi mới, sáng tạo, liên kết hệ thống trong phát triển các mô hình, sáng kiến về KTTH trong quá trình xây dựng NTM.

Lời cảm ơn: Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn, đề xuất chính sách công cụ kinh tế mới trong bảo tồn đa dạng sinh học (Mã số Đề tài: TNMT.2024.01.12)■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nghị quyết 19/NQ-TW ngày 16/6/2022 về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.
2. Luật BVMT, số 72/QH14/2020.
3. Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật BVMT.
4. Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 23/1/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện KTTH đến năm 2035.
5. Chương trình KHCN phục vụ xây dựng NTM: Kỳ yếu Khoa học với sự nghiệp NTM giai đoạn 2011-2017, Nxb Dân trí.
6. Tổ chức ISO, bộ tiêu chuẩn KTTH (TC 323).
7. Điều 131. Đối tượng được ưu đãi, hỗ trợ về bảo vệ môi trường; Điều 132. Hỗ trợ về đất đai; Điều 133. Ưu đãi, hỗ trợ về vốn đầu tư; Điều 134. Ưu đãi về thuế, phí và lệ phí; Điều 135. Trợ giá sản phẩm, dịch vụ về bảo vệ môi trường; Điều 137. Hỗ trợ quảng bá các hoạt động bảo vệ môi trường được khuyến khích; Điều 154. Dự án được cấp tín dụng xanh, phát hành trái phiếu xanh; Điều 155. Cơ chế khuyến khích cấp tín dụng xanh; Điều 156. Lộ trình thực hiện tín dụng xanh; Điều 157. Trái phiếu xanh.
8. Nghị định 77/2019/NĐ-CP ngày 10/10/2019 của Chính phủ về tổ hợp tác.
9. Luật hợp tác xã số 17/2023/QH15 và Nghị định 92/2024 ngày 18 /7 /2024 của Chính phủ quy định về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã.